TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Chai phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 3 - 2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mùa A Phềnh

Bà Lò Thị Ánh Ngọc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Tiến Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên*** *tham gia phiên toà*: Ông Trần Hồng Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên, Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2024/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 10 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Quàng Thị D, sinh năm: 1986. Nơi ĐKTT: Bản H, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở hiện nay: Bản L, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lò Văn T, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: Bản H, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà Quàng Thị D và ông Lò Văn T sinh sống cùng với nhau từ năm 2013 nhưng chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, chưa đăng ký kết hôn. Đến ngày 14/3/2017 mới đăng ký kết tại UBND xã Mường Pồn, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên từ cuối năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, có những lời lẽ không tôn trọng nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông T hay uống rượu. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2023 đến nay không còn sống chung cùng nhau, không ai quan tâm ai, việc ai người đó làm. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thể hòa giải được. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lò Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là cháu Lò Thị Kim T1, sinh ngày 15/02/2014 và cháu Lò Duy K, sinh ngày 25/11/2016. Nguyện vọng của bà D là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lò Thị Kim T1, giao ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lò Duy K.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Bà D không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lò Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông Lò Văn T không đồng ý ly hôn với bà Quàng Thị D vì vẫn còn tình cảm với vợ, muốn vợ, chồng cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là cháu Lò Thị Kim T1, sinh ngày 15/02/2014 và cháu Lò Duy K, sinh ngày 25/11/2016. Nguyện vọng của ông T là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Ông T không yêu cầu tòa án giải quyết.

3. Nguyện vọng của cháu Lò Thị Kim T1: Nếu bố, mẹ ly hôn cháu T1 có nguyện vọng được ở cùng với mẹ vì mẹ yêu T, quan tâm, cho cháu đi học.

4. Nguyện vọng của cháu Lò Duy K: Nếu bố, mẹ ly hôn cháu K có nguyện vọng được ở cùng với bố vì bố cho cháu đi học và cháu không muốn xa các bạn cùng lớp và các thầy cô giáo.

5. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Quàng Thị D được ly hôn với ông Lò Văn T.

- Về con chung: Giao con chung, cháu Lò Thị Kim T1, sinh ngày 15/02/2014 cho bà Quàng Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Lò Duy K, sinh ngày 25/11/2016 cho ông Lò Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con chung bà D và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị miễn án phí DSST cho bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn ông Lò Văn T có nơi đăng ký thường trú: Bản H, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Đây là quan hệ tranh chấp về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Do trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án không tiến hành hòa giải.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Quàng Thị D đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Lò Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Quàng Thị D và ông Lò Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Pồn, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 14/03/2017 nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn giữa bà D và ông T đã được Trưởng Bản H, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên và Trưởng Bản L, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên xác nhận (Bút lục số 23, 24, 25, 31). Do vậy, bà D và ông T đã sống ly thân, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không còn sống chung cùng nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D và giải quyết cho bà D được ly hôn với ông T.

[3.2] Về con chung: Căn cứ lời khai của các đương sự và xác nhận của chính quyền địa phương có đủ căn cứ xác định, bà D, ông T có hai con chung là cháu Lò Thị Kim T1, sinh ngày 15/02/2014 và cháu Lò Duy K, sinh ngày 25/11/2016. Bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Lò Thị Kim T1 và giao cháu Lò Duy K cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Xét điều kiện nuôi con của bà D: Bà D làm ruộng ngoài ra còn làm thuê có thu nhập đủ để nuôi con, có chỗ ở ổn định. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu T1 luôn sống cùng bà D, trong quá trình chăm sóc, nuôi con bà D không vi

phạm quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, quyền lợi của con chung được bảo đảm.

Xét điều kiện nuôi con của ông T: Ông T làm ruộng có thu nhập đủ để nuôi con, có chỗ ở ổn định. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu K luôn sống cùng ông T, trong quá trình chăm sóc, nuôi con ông T không vi phạm quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, quyền lợi của con chung được bảo đảm.

Nguyện vọng của cháu T1: Tại Biên bản lấy ý kiến của người chưa thành niên từ đủ 7 tuổi trở lên ngày 18/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, cháu T1 có nguyện được ở cùng với mẹ.

Nguyện vọng của cháu K: Tại Biên bản lấy ý kiến của người chưa thành niên từ đủ 7 tuổi trở lên ngày 09/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, cháu K có nguyện được ở cùng với bố.

Hội đồng xét xử thấy rằng, từ khi bà D, ông T sống ly thân thì con chung là cháu T1 do bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu K do ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian bà D, ông T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đều không vi phạm về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Để đảm bảo sự phát triển ổn định của các con và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu, cần giao cháu T1 cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu K cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và đảm bảo quyền lợi cho các cháu.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D, ông T không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về quan hệ tài sản: Bà D, ông T không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bà D là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở bản, xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quàng Thị D.

1. Về hôn nhân: Bà Quàng Thị D được ly hôn với ông Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Thị Kim T1, sinh ngày 15/02/2014 cho bà Quàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Giao cháu Lò Duy K, sinh ngày 25/11/2016 cho ông Lò Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về quan hệ tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Quàng Thị D.

6. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Mường Pồn, H. Điện Biên;
- Lưu: KT, VP, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bằng